

Số: 1192 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố kết quả xếp hạng Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 16/TTr-SNV ngày 17/4/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kết quả xếp hạng Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2022 (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức trong những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- QCT, PCT UBND tỉnh;
- V0, V1\_3, TH4;
- Lưu: VT, TH1.  
6b\_QĐ70

**Q. CHỦ TỊCH**




**Cao Tường Huy**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC**  
**ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**  
**TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2022**  
(Kèm theo Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh)

**1. Các sở, ban, ngành**

STT	Tên đơn vị	Chỉ số sự hài lòng SIPAS (%)
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	97,04
2	Sở Khoa học và Công nghệ	96,94
3	Sở Nội vụ	96,77
4	Sở Thông tin và Truyền thông	96,57
5	Sở Tư pháp	96,31
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	96,06
7	Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh	95,94
8	Sở Tài chính	95,62
9	Ban Dân tộc tỉnh	95,26
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	94,76
11	Sở Du lịch	94,49
12	Sở Xây dựng	94,29
13	Sở Công Thương	93,84
14	Sở Văn hoá và Thể thao	93,56
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	93,33
16	Sở Y tế	93,07
17	Sở Ngoại vụ	92,83
18	Sở Giao thông vận tải	92,59
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	92,31
20	Thanh tra tỉnh	91,85

## 2. Các huyện, thị xã, thành phố



STT	Tên đơn vị	Chỉ số sự hài lòng SIPAS (%)
1	Huyện Vân Đồn	96,95
2	Thành phố Cẩm Phả	96,77
3	Thị xã Đông Triều	96,51
4	Thành phố Uông Bí	96,29
5	Thành phố Móng Cái	96,03
6	Huyện Đầm Hà	95,89
7	Huyện Hải Hà	95,57
8	Huyện Ba Chẽ	95,15
9	Huyện Cô Tô	94,98
10	Thành phố Hạ Long	94,68
11	Huyện Tiên Yên	94,33
12	Huyện Bình Liêu	94,01
13	Thị xã Quảng Yên	93,79

### 3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

STT	Tên đơn vị	Chỉ số sự hài lòng SIPAS (%)
1	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	97,54
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	97,14
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh	96,73
4	Công an tỉnh	96,49
5	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Ninh	96,28
6	Cục Thuế tỉnh	95,94
7	Cục Hải quan tỉnh	95,71
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	95,24